



TỔNG CTCP XUẤT DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM (HSX: PVS)

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG NHỜ ĐẦY MẠNH PHÁT TRIỂN MẢNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP:

- PVS là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam - PVN), được thành lập năm 1976 với mục tiêu thực hiện đề án dự án dịch vụ kỹ thuật Vũng Tàu. Sau 47 năm hoạt động, PVS là tổng công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp tại Việt Nam, và là thương hiệu lớn trên thị trường dịch vụ dầu khí, công nghiệp trong khu vực.
- Lĩnh vực hoạt động chính của PTSC là cung cấp các loại hình dịch vụ kỹ thuật cho các ngành dầu khí, năng lượng, công nghiệp, trong đó có nhiều loại hình dịch vụ mang tính chiến lược và chất lượng cao đã phát triển và được chuyên nghiệp hóa đạt trình độ quốc tế như: EPCI công trình biển và công nghiệp; Kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO; Tàu dịch vụ dầu khí; Khảo sát địa chấn, địa chất và công trình ngầm; Lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng công trình biển; Cảng dịch vụ, Dịch vụ cung ứng nhân lực kỹ thuật và các Dịch vụ cho dự án năng lượng tái tạo.

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ:

- Mảng kinh doanh mũi nhọn của PVS - dịch vụ cơ khí dầu khí và công trình công nghiệp (EPC hay M&C) dự kiến bứt tốc khi dự án Lô B - Ô Môn có quyết định đầu tư cuối cùng (FID) và kết quả đấu thầu trong năm 2023, tiềm năng cung cấp khối lượng công việc ổn định cho mảng dịch vụ này. Chúng tôi dự phóng tốc độ tăng trưởng doanh thu mảng này đạt 20% giai đoạn 2023-2025, tương đương doanh thu thuần đạt 11.000 tỷ đồng. Cụ thể, PVS đã nộp thầu và chúng tôi kỳ vọng PVS sẽ nhận thực hiện trao thầu trong năm 2023.
- Doanh thu mảng dịch vụ cung cấp, quản lý, vận hành, khai thác tàu chứa FSO/FPSO dự kiến duy trì ổn định trong giai đoạn 2023-2027, do các tàu đều đã ký hợp đồng thuê dài hạn. Tuy doanh thu mảng này giảm nhẹ trong năm 2022 do đơn giá thuê tàu FPSO PTSC Lam Sơn giảm, nhưng tỷ lệ khai thác vẫn đạt 100%. Do vậy, chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng của mảng này đạt 5%/năm, doanh thu trung bình năm đạt 2.300 tỷ đồng trong vòng 5 năm tới. Ngoài ra, các mảng dịch vụ khác của PVS vẫn duy trì hoạt động ổn định, tăng trưởng trung bình năm đạt 8%.
- Chúng tôi đánh giá PVS có tiềm năng phát triển mảng EPCI trong nước thông qua các dự án xây dựng và lắp đặt điện gió ngoài khơi. Cụ thể, Quy Hoạch Điện VIII đẩy mạnh phát triển khoảng 6GW điện gió offshore tầm nhìn đến năm 2023. Trong năm 2023, PVS đã chủ trương phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi thông qua tích cực làm việc với nhiều đối tác, khách hàng tiềm năng (RENOVA, SARENS, Equinor, HDF Energy, etc.) để mở rộng đầu tư cũng như tìm kiếm giải pháp tài chính cho các dự án tái tạo ngoài khơi.

RỦI RO:

- Giá dầu giảm dưới 55 đô la Mỹ/thùng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động khai thác và vận hành các mỏ khí trong nước..
- Mảng dịch vụ khai thác tàu nổi FSO/FPSO chịu rủi ro giảm giá tàu do sản lượng dầu khí khai thác tại các lô giảm.
- Dự án Lô B – Ô Môn cần nhiều thời gian hơn dự kiến để hoàn thiện hành lang pháp lý trước khi dự án được khởi công toàn diện.

ĐỊNH GIÁ:

- Chúng tôi kết hợp 5 phương pháp định giá là P/E, P/B, EV/EBITDA, FCFF, và FCFE với trọng số tương đương nhau. Giá trị nội tại của cổ phiếu PVS được xác định ở mức 31.500 đồng/cổ phiếu.



Đồ thị giá 52 tuần của PVS
Nguồn: Vietstock tổng hợp

Khuyến nghị*	THEO DÕI
Giá đóng cửa (15/06/2023):	33.000
Giá mục tiêu*	31.500
Upside	(5%)
Ngành	Dầu khí
Vốn hóa thị trường	15.773 tỷ đồng
Biến động giá 52T	15%
Khối lượng GDBQN	7,01 triệu
Giá trị GDBQN	105 tỷ đồng
KLCP đang lưu hành	478 triệu
Tỷ lệ free-float	42%
Tỷ lệ sở hữu nhà nước	51%
Tỷ lệ sở nước ngoài	7%
* Cập nhật: 15/06/2023	

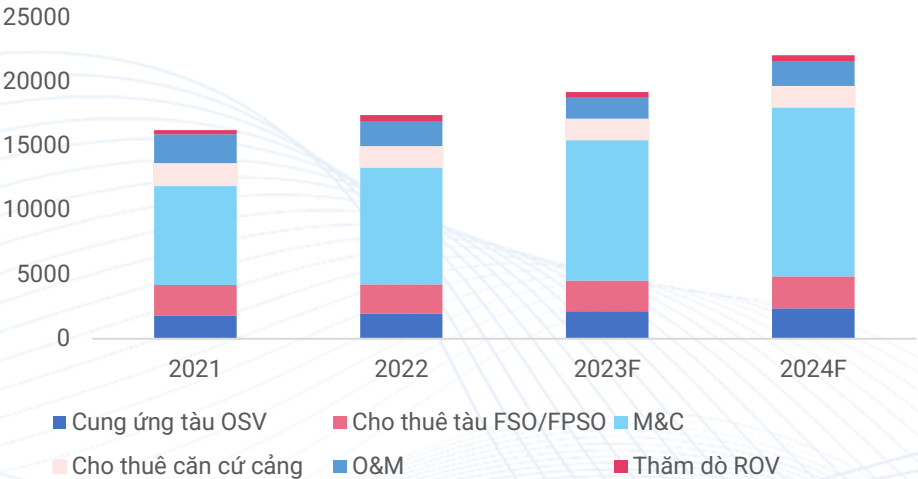
Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu	16.870	20.180	14.277	16.379	19.200
LN gộp	1.211	778	867	915	1.117
LN ròng	996	710	751	944	1.057
Tổng tài sản	26.287	26.279	24.871	25.828	29.797
Vốn CSH	12.971	12.884	12.608	12.949	13.986
EPS cuối kỳ (VNĐ/CP)	2.161	1.306	1.411	1.849	2.111
Giá trị sổ sách	12.993	12.906	12.621	13.016	14.045

Chỉ số tài chính	2019	2020	2021	2022	2023F
% Doanh thu	15%	20%	-29%	15%	17%
% LNST	74%	-29%	6%	26%	12%
Tỷ suất LN gộp	8%	-36%	11%	5%	6%
ROA	4%	3%	3%	4%	4%
ROE	8%	6%	6%	7%	8%
PE	11,1	13,6	23,0	15,0	15,6
PB	0,9	1,0	1,3	1,0	1,1

Cập nhật kết quả kinh doanh quý I/2023

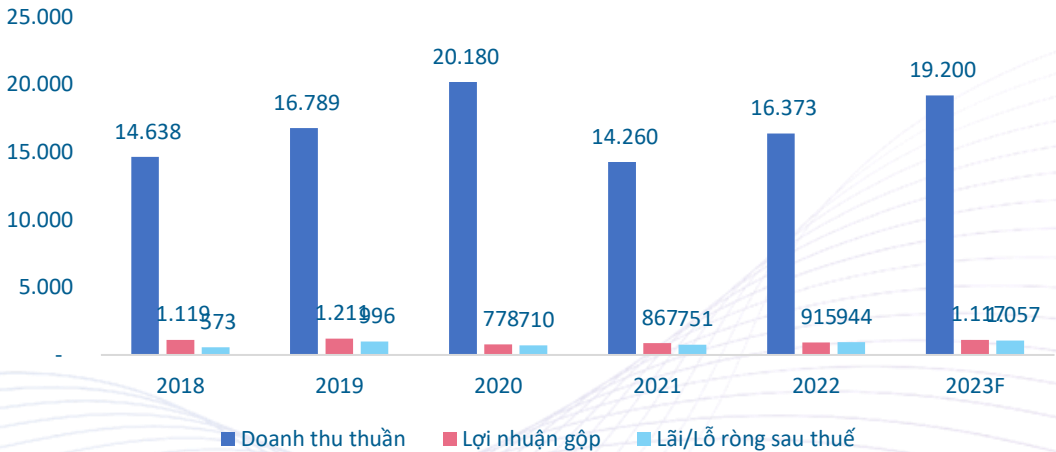
- **Quý I/2023, PVS ghi nhận doanh thu giảm 1,7% so với cùng kỳ, đạt 3.704 tỷ đồng.** Trong đó, doanh thu dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí đạt 336,3 tỷ đồng; dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp đạt 2.131 tỷ đồng; dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FSO, FPSO) đạt 447 tỷ đồng, còn lại đến từ các dịch vụ khác.
- **Biên lợi nhuận gộp ghi nhận sự cải thiện nhẹ, tăng từ 5,1% lên 5,5% trong quý I/2023** do PVS kiểm soát được giá vốn hợp lý, giảm nhẹ xuống gần 3.500 tỷ đồng.
- **Kỳ này, doanh thu tài chính Công ty đạt 146,8 tỷ đồng, tăng gần 71% so với cùng kỳ năm trước.** Chi phí tài chính của PTSC cũng tăng 137,5%, lên hơn 51,3 tỷ đồng; trong đó, chi phí lãi vay là 19,7 tỷ đồng, chiếm 38,4% chi phí tài chính. **Kết thúc quý I, PVS báo lãi sau thuế 227,5 tỷ đồng trong quý I/2023, giảm xấp xỉ 9,1% so với kết quả ghi nhận trong quý I/2022.**

Bảng 1: Cơ cấu Doanh Thu của PVS



Nguồn: BCTC PVS, CTS tổng hợp

Biểu đồ 2: Doanh thu và lợi nhuận sau thuế (đơn vị: tỷ đồng)



Nguồn: BCTC PVS, CTS tổng hợp

Mảng EPC dự kiến bứt tốc khi dự án Lô B - Ô Môn có quyết định đầu tư cuối cùng (FID) và kết quả đấu thầu trong năm 2023

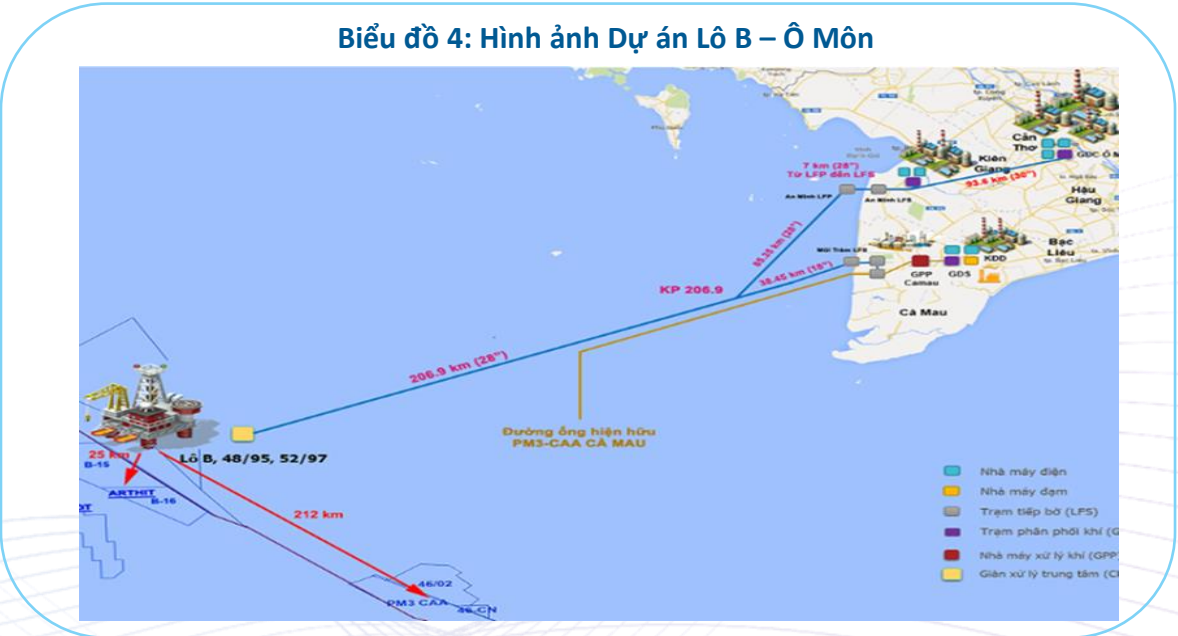
- Trong năm 2022, mảng EPC ghi nhận kết quả khả quan nhờ dự án Đại Nguyệt hoàn thành, đồng thời bắt đầu triển khai các dự án lớn như Gallaf – Batch 3 gói thầu EPCI 5 và EPCI6, Shwe – Giai đoạn 3, Hải Long OSS từ nhà thầu Đài Loan và DBN PWM. Ngoài ra, chúng tôi dự báo các dự án cơ khí dầu khí trong điểm có giá trị lớn đang chờ phê duyệt của Chính Phủ như Lô B – Ô Môn, Sư Tử Trắng – Giai Đoạn 2, Nâng cấp Nhà máy lọc dầu LNG Sơn Mỹ, Đường ống Lô B – Ô Môn, và một số dự án khác như Điện Gió La Ngàn, Cá Voi Xanh, Kinh Ngư Trắng, etc. tiềm năng cung cấp khối lượng công việc ổn định cho mảng dịch vụ này.
- Do vậy, chúng tôi đánh giá mảng kinh doanh EPC là mảng kinh doanh mũi nhọn của PVS. Hơn nữa, mảng này dự kiến bứt tốc khi dự án Lô B - Ô Môn có quyết định đầu tư cuối cùng (FID) và kết quả đấu thầu trong năm 2023. Chúng tôi dự phóng tốc độ tăng trưởng doanh thu mảng này đạt 20% giai đoạn 2023-2025, tương đương doanh thu thuần đạt 11.000 tỷ đồng. Cụ thể, PVS đã nộp thầu và chúng tôi kỳ vọng PVS sẽ nhận thực hiện trao thầu trong năm 2023.

Bảng 3: Cập nhật thông tin các dự án PVS đang hoạt động tính đến Quý I/2023

Dự án cơ khí dầu khí	Khởi công chế tạo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Trị giá
*Đại Nguyệt WHP	8/8/2022	2022	N/A
Shwe - GD3	17/5/2022	2023	200 triệu USD
*Gallaf Batch 3 EPCI5	17/5/2022	2023	300 triệu USD
*Gallaf Batch 3 EPCI6	21/7/2022	N/A	N/A
Hải Long OSS (Đài Loan)	11/2/2022	N/A	200-250 triệu USD (có thể tăng thêm)
DBN PWM	22/8/2022	N/a	N/A
Phần việc còn lại SVĐN	13/7/2017	2023	500 triệu USD

Nguồn: PVS, CTS tổng hợp

Biểu đồ 4: Hình ảnh Dự án Lô B – Ô Môn

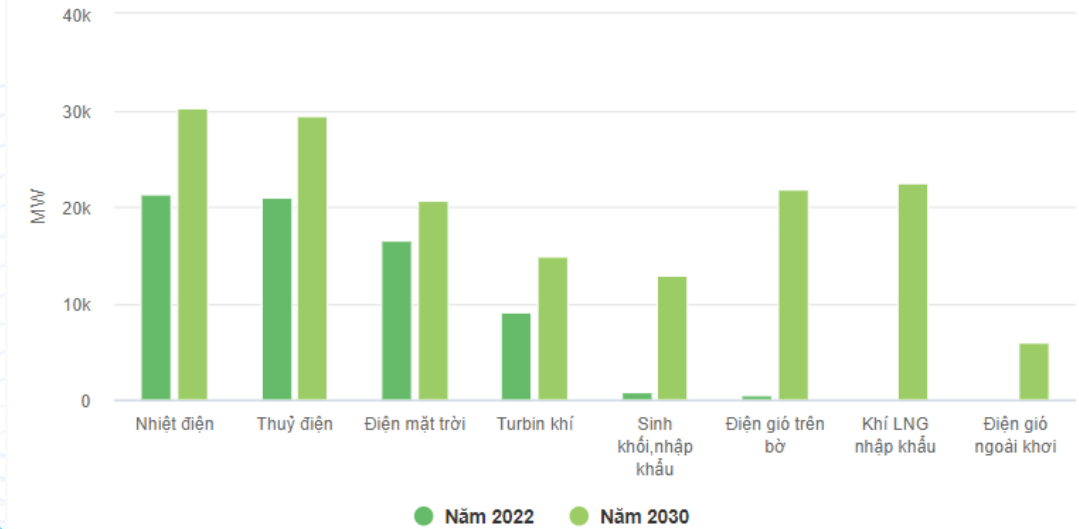


Nguồn: Báo Năng Lượng Việt Nam Online, CTS dự báo/tổng hợp

Tiềm năng phát triển mảng EPC trong nước thông qua các dự án xây dựng và lắp đặt điện gió ngoài khơi sẽ mang lại lợi nhuận ổn định trong tương lai

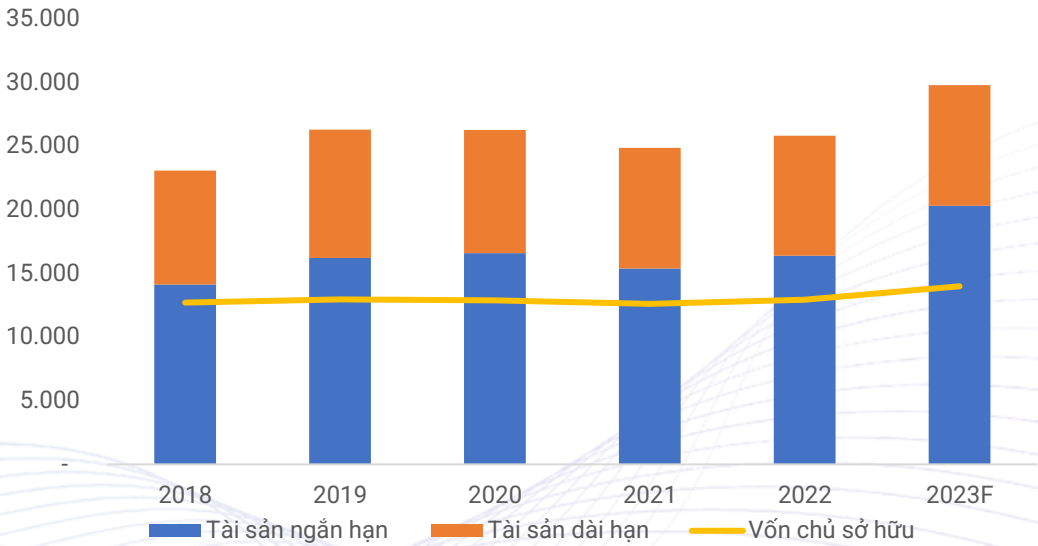
- **Quy Hoạch Điện VIII** đẩy mạnh phát triển khoảng 6GW điện gió offshore tầm nhìn đến năm 2023. Điểm mới ở quy hoạch này so với trước đây là ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, chiếm khoảng 31-39% vào 2030, tương đương 5.000-10.000 MW. Tỷ lệ này có thể tăng lên 47% cùng các điều kiện cam kết theo tuyên bố chính trị về thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng với Việt Nam (JETP). Tỷ trọng nguồn điện này trong hệ thống dự kiến tăng lên 67,5-71,5% vào 2050.
- Trong năm 2023, PVS đã chủ trương phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi thông qua tích cực làm việc với nhiều đối tác, khách hàng tiềm năng (RENOVA, SARENS, Equinor, HDF Energy, etc.) để mở rộng đầu tư cũng như tìm kiếm giải pháp tài chính cho các dự án tái tạo ngoài khơi. PVS có khả năng chào và trúng thầu các hợp đồng EPCI trong nước. Năm 2023 PVS - Vietsopetro -PVX đã thành lập tổ hợp phát triển điện gió ngoài khơi. Tháng 2/2023, PVS cũng đã ký thỏa thuận hợp tác phát triển chung giữa PTSC và Công ty Sembcorp Utilities về xuất khẩu điện gió từ Việt Nam sang Singapore.

Biểu đồ 6: So sánh cơ cấu nguồn điện
(Công suất đặt năm 2020 và Quy hoạch điện 8 năm 2030)



Nguồn: VnExpress, CTS tổng hợp

Biểu đồ 7: Cơ cấu nguồn vốn của PVS



Nguồn: BCTC PVS, CTS tổng hợp

Các mảng dịch vụ khác của PVS vẫn duy trì hoạt động ổn định

- **Doanh thu mảng dịch vụ cung cấp, quản lý, vận hành, khai thác tàu chứa FSO/FPSO dự kiến duy trì ổn định trong giai đoạn 2023-2027, do các tàu đều đã ký hợp đồng thuê dài hạn.** Tuy doanh thu mảng này giảm nhẹ trong năm 2022 do đơn giá thuê tàu FPSO PTSC Lam Sơn giảm, nhưng tỷ lệ khai thác vẫn đạt 100%. Do vậy, chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng của mảng này đạt 5%/năm, doanh thu trung bình năm đạt 2.300 tỷ đồng trong vòng 5 năm tới.
- **Ngoài ra, các mảng dịch vụ khác của PVS vẫn duy trì hoạt động ổn định, tăng trưởng trung bình dự kiến năm đạt 8%.**
 - **Dịch vụ căn cứ cảng:** Năm 2022, PVS đã đẩy mạnh phát triển hoạt động ra ngoài ngành và ngoài địa bàn đang hoạt động để tăng doanh thu. Chúng tôi dự báo công suất khai thác của các cảng vẫn duy trì ổn định do PVS khó có thể gia tăng thị phần và đơn hàng xuất nhập khẩu không tăng đột biến và duy trì lưu thông quốc tế, và một số cảng có công suất khai thác thấp như cảng Sơn Trà do cơ sở hạ tầng vào cảng chưa được Nhà Nước đầu tư.
 - **Dịch vụ khảo sát & ROV:** Năm 2022, PVS ghi nhận backlogs của năm 2021 đã được đẩy mạnh triển khai vào năm 2022. Năm 2022, PVS đang hoàn tất thủ tục giải thể Liên doanh PVS CGGV - công ty này hoạt động thua lỗ giai đoạn 2015-20219 do bị ảnh hưởng bởi giá dầu sụt giảm mạnh. Chúng tôi dự phóng năm 2023 doanh thu mảng này khó có thể tăng trưởng do ảnh hưởng chung của suy giảm kinh tế toàn cầu.
 - **Dịch vụ bảo dưỡng OM:** Năm 2022 khối lượng công việc của PVS sụt giảm do ít dự án lớn trong lĩnh vực xây lắp hàng hải tại Việt Nam được triển khai. Năm 2023 tương tự như năm 2022, chúng tôi nhận định, khi các dự án mới được triển khai thì mảng kinh doanh này mới thực sự trỗi dậy.

Cán cân tài sản và nguồn vốn an toàn, dự kiến tăng vốn khi các dự án lớn triển khai

- **Cán cân tài sản và nguồn vốn an toàn, dòng tiền dương ổn định qua nhiều năm giúp PVS duy trì hoạt động hiện tại tốt.** Tính đến cuối quý I, tổng tài sản doanh nghiệp đạt hơn 25.634,5 tỷ đồng, giảm nhẹ so với hồi đầu năm. Trong đó, Công ty nắm giữ hơn 5.270,7 tỷ đồng tiền và tương đương tiền; 4.924,9 tỷ đồng là tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với lãi suất là 4,1 - 10,3%/năm. Nợ phải trả doanh nghiệp còn tổng cộng hơn 12.494,3 tỷ đồng, giảm gần 3% so với đầu năm; riêng nợ ngắn hạn và dài hạn còn lần lượt 760,39 tỷ đồng và 633,4 tỷ đồng.
- Tuy nhiên, với các dự án có giá trị lớn trong tương lai như Cá Voi Xanh (900 triệu đô), Kho cảng LNG Sơn Mỹ (1,3 tỷ đô), Nâng cấp NMLD Dung Quất (1,8 tỷ đô), Lô B – Ô Môn (1,2 tỷ đô) v...v..., **chúng tôi đánh giá PVS có khả năng cần tăng vốn để đáp ứng tốt cho việc thực hiện xây dựng các công trình cơ khí quy mô lớn này.**

Dự báo kết quả kinh doanh năm 2023 và định giá cổ phiếu

Công ty đặt kế hoạch năm 2023 với doanh thu 13.200 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 560 tỷ đồng. Chúng tôi cho rằng doanh thu thực tế sẽ cao hơn kế hoạch do tiềm năng thực hiện các dự án dầu khí đều có việc làm tính đến hết năm 2023.

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự báo lần lượt đạt 19.200 tỷ đồng và 1.057 tỷ đồng, tăng 17% và 12% của năm 2022. Thu nhập trên một cổ phần đạt 2.111 đồng/cổ phần.

Chúng tôi kết hợp 5 phương pháp định giá là P/E, P/B và RNAV với trọng số tương đương nhau. Giá trị cổ phiếu PVS được xác định ở mức 31.500 đồng/cổ phần.

Bảng 8: Kết quả định giá cổ phiếu PVS

Mô hình định giá	Trọng số	Giá	Giá hiện tại	Premium
P/E	20%	14.800	33.000	(55%)
P/B	20%	30.900	33.000	(6%)
EV/EBITDA	20%	51.200	33.000	55%
FCFF	20%	37.700	33.000	14%
FCFE	20%	23.000	33.000	(30%)
Giá mục tiêu bình quân (đồng/cp)		31.500	33.000	(5%)

Bảng 9: Dự báo kết quả kinh doanh PVS năm 2023

KẾT QUẢ KINH DOANH Năm	TH		Dự báo	
	2022	2023	2024	2025
Dịch vụ cung ứng tàu chuyên dụng (bao gồm tàu thuê bareboat) (OSV)	1.946	2.141	2.355	2.590
*Dịch vụ cung cấp, quản lý, vận hành, khai thác tàu chứa FSO/FPSO	2.266	2.379	2.498	2.623
*Dịch vụ cơ khí dầu khí và công trình công nghiệp (EPCI hay M&C)	9.160	10.992	13.190	15.828
Dịch vụ căn cứ cảng dầu khí (cho thuê cảng vụ)	1.616	1.616	1.616	1.616
Dịch vụ Vận chuyển, lắp đặt, đầu nối, vận hành, sửa chữa, và bảo dưỡng Công trình Dầu khí (OM)	1.898	1.613	1.936	2.323
Dịch vụ Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV (Khảo sát & ROV)	510	459	459	459
Đầu tư và kinh doanh lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi (NLTTNK)	-	-	-	-
Doanh thu thuần	16.373	19.200	22.054	25.440
Giá vốn bán hàng	(15.458)	(18.083)	(20.731)	(23.871)
Lợi nhuận gộp	915	1.117	1.324	1.569
Thu nhập tài chính	489	574	659	760
Chi phí tài chính	(163)	(183)	(204)	(228)
Chi phí bán hàng	(79)	(117)	(130)	(147)
Chi phí quản lý DN	(828)	(971)	(1.115)	(1.286)
Lãi/Lỗ từ hoạt động kinh doanh	334	420	534	667
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	657	679	700	721
Thu nhập/Chi phí khác	183	214	246	284
Lãi/Lỗ ròng trước thuế	1.174	1.314	1.480	1.672
Chi phí thuế TNDN	(229)	(257)	(289)	(327)
Lãi/Lỗ ròng sau thuế	944	1.057	1.191	1.345
+ Trong đó: Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	68	77	87
+ Lãi/(Lỗ thuần của cổ đông công ty mẹ)	884	989	1.114	1.259
EPS (VNĐ/cp)	1.849	2.111	2.378	2.686
Tăng trưởng EPS	31%	14%	13%	13%

Bảng KQKD	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu thuần	20.180	14.260	16.373	19.200
Giá vốn bán hàng	(19.402)	(13.393)	(15.458)	(18.083)
Lợi nhuận gộp	778	867	915	1.117
Thu nhập tài chính	400	278	489	574
Chi phí tài chính	(143)	(94)	(163)	(183)
Chi phí bán hàng	(119)	(89)	(79)	(117)
Chi phí quản lý DN	(798)	(712)	(828)	(971)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	119	249	334	420
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	191	507	657	679
Lợi nhuận khác	715	214	183	214
Lợi nhuận trước thuế	1.025	969	1.174	1.314
Chi phí thuế TNDN	(315)	(219)	(229)	(257)
Lợi nhuận sau thuế	710	751	944	1.057
Lợi ích của cổ đông thiểu số	86	76	61	68
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	624	675	884	989

Lưu chuyển tiền tệ	2020	2021	2022	2023F
Lợi nhuận trước thuế	1.025	969	1.174	1.314
Chi phí khấu hao	471	539	491	305
Lãi từ hoạt động đầu tư	(460)	(720)	(978)	(574)
Chi phí lãi vay	56	46	51	52
Thay đổi vốn lưu động:	(1.380)	(707)	580	834
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	(680)	(138)	1.498	1.931
Mua sắm TSCĐ mới	(502)	(253)	(498)	(128)
Đầu tư khác	(563)	647	(2.134)	(835)
Lợi nhuận từ cổ tức, lãi tiền gửi, cho vay	657	767	905	574
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(398)	1.162	(1.727)	(390)
Thay đổi nợ vay	(147)	45	108	430
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(673)	(509)	(321)	430
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(1.750)	515	(551)	1.971
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	6.949	5.212	5.747	5.219
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.212	5.747	5.219	7.190

Bảng CĐKT	2020	2021	2022	2023F
Tài sản ngắn hạn	16.603	15.395	16.388	20.303
Tiền và tương đương tiền	5.212	5.747	5.219	7.190
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.311	2.677	4.837	5.673
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.662	4.642	5.043	5.915
Hàng tồn kho	2.111	2.103	1.012	1.184
Tài sản ngắn hạn khác	306	226	276	341
Tài sản dài hạn	9.676	9.476	9.439	9.493
Các khoản phải thu dài hạn	154	175	124	179
Tài sản cố định	3.135	2.991	3.040	2.868
Bất động sản đầu tư	179	174	169	164
Tài sản dở dang dài hạn	236	184	172	172
Đầu tư tài chính dài hạn	4.961	4.841	4.918	4.918
Tài sản dài hạn khác	1.012	1.111	1.017	1.192
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	26.279	24.871	25.828	29.797
Nợ ngắn hạn	9.803	8.692	9.199	11.595
Vay và nợ ngắn hạn	735	711	752	1.248
Các khoản phải trả ngắn hạn	7.324	5.283	6.235	7.321
Nợ ngắn hạn khác	1.384	2.136	1.606	2.400
Quỹ khen thưởng phúc lợi	360	561	606	626
Nợ dài hạn	3.592	3.571	3.680	4.215
Vay và nợ dài hạn	474	534	624	558
Các khoản phải trả dài hạn	1.149	1.042	972	1.212
Nợ dài hạn khác	1.969	1.995	2.085	2.445
Vốn chủ sở hữu	12.884	12.608	12.949	13.986
Vốn góp của chủ sở hữu	4.780	4.780	4.780	4.780
Thặng dư vốn cổ phần	40	40	40	40
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	360	284	394	394
Quỹ khác	2.995	3.082	3.214	3.214
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.971	3.694	3.791	4.760
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	739	728	730	798

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2023 thuộc về tác giả. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và tác giả không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của nhà đầu tư. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của tác giả.

NGUYỄN PHƯƠNG MAI
Chuyên gia phân tích

36 Đoàn Trần Nghiệp, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

mainp@cts.vn

+84-904-854-958